

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2020

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Cúc

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 704/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy B, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số C, đường VL, khóm T, phường P, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Trung K, sinh năm 1991. Địa chỉ: Địa chỉ: Số C, đường VL, khóm T, phường P, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy B trình bày:*

- Hôn nhân: Chị và anh Lê Trung K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 26/9/2013. Quá trình chung sống, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh K không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, anh K có đánh chị hai lần. Chị xác định hiện nay chị không còn tình cảm với anh K, tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

- Con chung: Chị và anh K có 02 người con chung tên Lê Nhựt K, sinh ngày 10/10/2014 và Lê Chí N, sinh ngày 24/8/2016, hiện nay đang sống chung với anh, chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai người con chung, quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu anh K cấp dưỡng mỗi người con 1.500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Tài sản chung: Chị B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị B xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Trung K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho anh K đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh K vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là Hôn nhân và gia đình.

Anh Lê Trung K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Lê Trung K.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy B về việc yêu cầu ly hôn với anh Lê Trung K thấy rằng chị B và anh K chung sống hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh K không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, anh K có hành vi đánh chị B. Tại phiên tòa, chị B xác định chị không còn tình cảm với anh K nên K quyết yêu cầu ly hôn. Anh K không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không xem xét. Xét thấy, chị B và anh K mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị B về việc ly hôn anh K là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị B và anh K có 02 người con chung tên Lê Nhựt K, sinh ngày 10/10/2014 và Lê Chí N, sinh ngày 24/8/2016, hiện nay đang sống chung với anh, chị. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi cả hai người con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, hiện nay cháu Khang và cháu Nguyễn đang sống ổn định và chị B cũng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ngoài ra các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Anh K không có ý kiến nên không xem xét. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị B là có căn cứ. Đối với khoản tiền cấp dưỡng, xét thấy người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa, chị B yêu cầu mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, chị xác định hiện nay anh K không có công việc ổn định. Mặt khác, anh K không có ý kiến về yêu cầu này nên xem xét buộc anh K có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi 02 người con, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là bằng một phần hai mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 745.000 đồng/tháng/cháu, tính tròn 750.000đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu K và cháu N đủ 18 tuổi là có căn cứ.

[4] Tài sản chung: Chị B xác định tự thỏa thuận. Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị B xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị B, anh K phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy B về việc yêu cầu ly hôn với anh Lê Trung K.

Con chung: Giao Lê Nhựt K, sinh ngày 10/10/2014 và Lê Chí N, sinh ngày 24/8/2016, hiện nay đang sống chung với anh K và chị B cho chị Nguyễn Thị Thùy B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Trung K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung, mức cấp dưỡng là 750.000 đồng/tháng/cháu, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K và cháu N đủ 18 tuổi. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thùy B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Trung K không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Thùy B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Ngày 23/7/2020, chị B đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo B lai số 0002200, được đối trừ, chuyển thu, nộp ngân sách Nhà nước. Anh Lê Trung K phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (chưa nộp).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- UBND xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**